

Bản án số: 31/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 20/01/2025

V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đoàn Thị Hương Nhu**.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Vũ Thị Dung**.

Bà **Đỗ Thị Thanh**.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Vũ Thị Huyền** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:** Bà **Phan Thị Thu Huyền** - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 522/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2024, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2025, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Kiều D**, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Số B đường B, thôn T, xã Đ, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

- Bị đơn: Anh **Đặng Văn T**, sinh năm 1981;

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn H, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương; nơi cư trú hiện nay: P, 1189-9 J-dong, S-si, G-do, Hàn Quốc.

Người được chị D, anh T ủy quyền về việc giao nhận văn bản: Anh Tạ Ngọc Anh T1; địa chỉ: Số E T, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Các đương sự vắng mặt và điều đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Kiều D trình bày: Chị và anh Đặng Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương ngày 16/6/2006. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 12 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không

hợp, quan điểm sống bất đồng, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đặng Văn T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Đặng Quốc A, sinh ngày 14/12/2006 và Đặng Quốc K, sinh ngày 30/4/2014, hiện con Đặng Quốc A đã đủ 18 tuổi, khỏe mạnh nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết; con Đặng Quốc K đang ở với chị, chị và anh T thống nhất để chị được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi, anh chị tự thống nhất thỏa thuận về việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị D xác định vợ chồng không có tài sản chung cũng như không có nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do chị D bận công việc nên chị ủy quyền cho anh Tạ Ngọc Anh T1 thay chị giao, nhận các văn bản, tài liệu tại Tòa án, đồng thời đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tại các bản khai anh Đặng Văn T trình bày: Anh và chị Nguyễn Kiều D có quan hệ hôn nhân như chị D trình bày là đúng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 12 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Anh đi lao động tại Hàn Quốc từ năm 2018 đến nay không có ý định về nước. Vợ chồng không có tiếng nói chung và không còn tình cảm với nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị D có đơn xin ly hôn, anh nhất trí.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có hai con chung như chị D trình bày là đúng, con Đặng Quốc A đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh chị thống nhất giao con Đặng Quốc K cho chị D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên và tự thống nhất thỏa thuận về việc cấp dưỡng tiền nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh xác định vợ chồng không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do anh T đang làm việc tại Hàn Quốc nên anh ủy quyền cho anh Tạ Ngọc Anh T1 thay anh giao, nhận các văn bản, tài liệu tại Tòa án, đồng thời đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Con chung của chị D, anh Thế L cháu Đặng Quốc K có nguyện vọng được ở với chị D.

Người được chị D và anh T ủy quyền về việc giao, nhận văn bản tố tụng tại Tòa án - anh Tạ Ngọc Anh T1 trình bày: Anh nhất trí nhận ủy quyền của chị D, anh T; sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, anh đã thông báo cho chị D, anh T biết, chị Nguyễn Kiều D và anh Đặng Văn T vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày và đề nghị được giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án; về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Kiều D ly hôn anh Đặng Văn T; về con chung: Giao cho chị Nguyễn Kiều D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Đặng Quốc K cho đến khi con đủ 18 tuổi, chấp nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung; chị D phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Kiều D hiện đang sinh sống ở Việt Nam; bị đơn anh Đặng Văn T có nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại Thôn H, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương; hiện đang sinh sống và làm việc tại phòng 101, 1189-9 J-dong, S-si, G-do, Hàn Quốc. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Mặc dù anh T không có mặt ở Việt Nam nhưng anh đã làm bản tự khai, đơn xin xét xử vắng mặt thể hiện quan điểm và ủy quyền cho anh Tạ Ngọc Anh T1 thay anh giao, nộp tại Tòa án. Bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt của anh đã được Đại sứ quán C tại Đ dân quốc chứng thực. Do vậy, có đủ cơ sở khẳng định quan điểm ly hôn của anh là hoàn toàn tự nguyện. Các đương sự đều có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Kiều D và anh Đặng Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương ngày 16/6/2006 là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ lời khai của các đương sự, xác định giữa chị D và anh T có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm sống bất đồng, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Từ năm 2018 anh T đi lao động tại Hàn Quốc nhưng không có ý định về nước, vợ chồng xa cách và không quan tâm đến nhau. Chị D có đơn xin ly hôn, anh T cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên

anh nhất trí ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị D và anh T đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị D được ly hôn anh T là phù hợp với điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về quan hệ con chung: Con chung của chị D và anh T là Đặng Quốc A đã thành niên, anh chị không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Con Đặng Quốc K có nguyện vọng được ở với chị D, chị D và anh T cùng thống nhất giao con Đặng Quốc K cho chị D chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên (tròn 18 tuổi), chị D tự nguyện không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Hội đồng xét xử căn cứ vào điều kiện, hoàn cảnh và nguyện vọng của các bên, thấy việc thỏa thuận giao con cho chị D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Do vậy, cần chấp nhận thỏa thuận của anh chị, giao con chung Đặng Quốc K cho chị D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con tròn 18 tuổi, chấp nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị D, anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Kiều D là nguyên đơn nên phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147; khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Kiều D, xử cho chị Nguyễn Kiều D ly hôn anh Đặng Văn T.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho chị Nguyễn Kiều D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Đặng Quốc K, sinh ngày 30/4/2014 cho đến khi con đủ 18 tuổi; chấp nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh Đặng Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Kiều D phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu số 0005212 ngày 09 tháng 10 năm

2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương (do anh Tạ Ngọc Anh T1 nộp thay). Chị D đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Kiều D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày; anh Đặng Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Hồng Quang, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Thị Hương Nhu